

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 – CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 23/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 11-9-2025
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi
con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Khanh

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trần Văn Nay
- Bà Trần Thị Phương Anh

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Ngô Văn Trường, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cà Mau tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Thanh Lào, Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 147/2025/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2025 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị Lê Hiếu T, sinh ngày 25/01/1999. Căn cước công dân số 09619900586 cấp ngày 12/12/2024. Nơi cư trú: Ấp T, xã C, tỉnh Cà Mau.

2. **Bị đơn:** Anh Nguyễn Thái D, sinh ngày 17/12/1993. Căn cước công dân số 095093000309. Nơi cư trú: Ấp T, xã C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 05 tháng 5 năm 2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Hiếu T trình chị:

- Về hôn nhân: Chị và anh D tự nguyện chung sống như vợ chồng, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương và năm 2017. Đến năm 2019, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh Bạc Liêu (nay là xã C, tỉnh Cà Mau) cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 02/5/2019. Thời gian đầu, vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc nhưng đến năm 2023 xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do chị và anh D thường xuyên cãi nhau; anh D thường xuyên chơi cờ bạc nên chị và anh D đã ly thân từ tháng 12 năm 2024 cho đến nay. Nay chị nhận thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh D.

- Về con chung: Chị xác định, chị và anh D có 01 con chung tên là Nguyễn Lê An P, sinh ngày 09/10/2019. Hiện cháu P đang sống với chị. Khi ly hôn, chị

yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị xác định không có nợ chung và tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Bị đơn anh D: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh D không có văn bản trình bày ý kiến. Tại Biên bản xác minh ngày 22/7/2025, chính quyền địa phương xác định anh D vẫn còn sinh sống tại ấp T, xã C, tỉnh Cà Mau.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cà Mau phát biểu việc tuân theo pháp luật của Tòa án và quan điểm giải quyết vụ án:* Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tiến hành giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục do pháp luật quy định. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh D, cho chị T và anh D ly hôn; về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Lê An P cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng; về cấp dưỡng: Chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét, giải quyết; về tài sản chung và nợ chung: Chị T xác định không có nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Chị T phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án; sau khi nghe ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, sau khi thảo luận Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cà Mau đã triệu tập anh Nguyễn Thái D hợp lệ lần thứ hai, nhưng tại phiên tòa hôm nay anh D vẫn vắng mặt không rõ lý do; chị T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị T và anh D.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn chị T khởi kiện ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn với bị đơn anh D nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là anh D hiện đang cư trú tại ấp T, xã C, tỉnh Cà Mau nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc Hội, Điều 4 Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

[3] Quan hệ hôn nhân: Chị T và anh D tự nguyện sống chung như vợ chồng, tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương vào năm 2017, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu (nay là xã C, tỉnh Cà Mau) cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 02/5/2019 nên hôn nhân của chị T và

anh D là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Chị T xác định, chị T và anh D xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh D và chị T thường xuyên cãi nhau, anh D không chăm lo cuộc sống gia đình nên chị T và anh D đã ly thân từ tháng 12 năm 2024 đến nay. Tại Biên bản xác minh ngày 22/7/2025, Trưởng ấp T, xã C, tỉnh Cà Mau xác định chị T và anh D không còn chung sống hơn 01 năm nay. Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân được hình thành trên nguyên tắc tự nguyện, tình cảm vợ chồng phải xuất phát từ hai phía. Chị T xác định, chị T và anh D đã sống ly thân từ tháng 12 năm 2024 đến nay. Cho thấy quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh D đã lâm vào tình trạng trầm trọng, thực tế không thể hàn gắn, đời sống chung giữa chị T và anh D đã không thể tiếp tục duy trì và kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T, xử cho chị T được ly hôn với anh D.

[4] Về con chung: Chị T xác định, chị T và anh D có 01 con chung tên là Nguyễn Lê An P, sinh ngày 09/10/2019. Khi ly hôn, chị T yêu cầu trực tiếp nuôi con chung. Xét thấy, cháu P còn nhỏ, hiện đang sống ổn định với chị T nên căn cứ Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử có cơ sở giao cháu P cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Duy có quyền, nghĩa vụ thăm con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T xác định không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình.

[7] Như đã phân tích, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ đề nghị của Kiểm sát viên.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;
- Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;
- Điều 4 Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Hiếu T. Cho chị Lê Hiếu T được ly hôn với anh Nguyễn Thái D.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Lê An P, sinh ngày 09/10/2019 cho chị Lê Hiếu T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, hiện cháu P đang sống cùng với chị T. Anh Duy có quyền, nghĩa vụ thăm con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng: Chị Lê Hiếu T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Lê Hiếu T xác định không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lê Hiếu T phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình. Chị T đã nộp tạm ứng 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0004791 ngày 14/5/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lợi nên chuyển thu án phí.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- VKSND khu vực 7 – Cà Mau;
- Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau;
- Ủy ban nhân dân xã Châu Thới, tỉnh Cà Mau;
- Đương sự;
- Lưu: HSVA, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Duy Khanh